

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Điện tử; Chuyên ngành: Điện Tử - Viễn Thông

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Tiến Hòa

2. Ngày tháng năm sinh: 24/02/1982; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Nhà số 23, ngõ 215, Định Công Thượng, Hoàng Mai, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Nhà số 23, ngõ 215, Định Công Thượng, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0934516862;

E-mail: hoa.nguyentien@hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Chức vụ hiện nay: Giám đốc chương trình đào tạo hợp tác quốc tế LUH (Leibniz University Hannover), CHLB Đức.; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Điện tử, Trường Điện - Điện tử, Đại học Bách Khoa Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 1, Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3623 1732

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không có

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 27 tháng 06 năm 2007, số văn bằng: Không có, ngành: Điện tử, chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học tổng hợp Leibniz Hannover, CHLB Đức.
- Được cấp bằng ThS [4] ngày 08 tháng 07 năm 2010, số văn bằng: Không có, ngành: Điện tử, chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học tổng hợp Leibniz Hannover, CHLB Đức
- Được cấp bằng TS [5] ngày 06 tháng 12 năm 2016, số văn bằng: D 000347, ngành: Điện tử, chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Hội đồng I: Điện, Điện tử)

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Điện-Điện tử-Tự động hóa

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Tối ưu tài nguyên vô tuyến trong hệ thống truyền thông không dây.

Hướng nghiên cứu 2: Xử lý tín hiệu số trong thời gian thực cho hệ thống truyền thông không dây.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Bộ; 1 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 48 bài báo khoa học, trong đó 21 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 1 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Cấp Trường	2017-2018
2	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Cấp Trường	2019-2020

3	Giấy khen thành tích hướng dẫn sinh viên giải Nhất nghiên cứu khoa học cấp Trường	Cấp Trường	2016 - 2017
4	Giấy khen thành tích hướng dẫn sinh viên giải Nhất nghiên cứu khoa học cấp Bộ	Cấp Trường	2019-2020
5	Giấy khen thành tích hướng dẫn sinh viên giải Nhất nghiên cứu khoa học cấp Bộ	Cấp Bộ	2019-2020

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên (UV) xin tự đánh giá ĐẠT tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo như sau:

a) Về phẩm chất, tư tưởng:

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có bản lĩnh chính trị, luôn tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà Nước;
- Luôn chấp hành, nghiêm túc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, cũng như các quy định quy chế tại nơi cư trú, nơi làm việc;
- Sống và làm việc nghiêm túc, gương mẫu, có trách nhiệm, hòa đồng cùng đồng nghiệp, thân thiện, nhiệt huyết với sinh viên;
- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, đồng thời tôn trọng, đối xử công bằng, lắng nghe, và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người học;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của giảng viên, các quy định của Điều lệ, quy chế về tổ chức và hoạt động của Nhà trường.

b) Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

Ứng viên đã được đào tạo chính quy các cấp, cụ thể:

- Hoàn thành 2 năm đại học đại cương và 01 kỳ ngành Điện tử - Viễn thông (2000-2002) tại Trường

ĐHBK Hà Nội;

- Chuyển tiếp và hoàn thành Đại học (2003-2007) ngành Điện tử - Viễn thông, chuyên ngành Vô tuyến điện và truyền thông tại Trường đại học tổng hợp Leibniz Hannover, CHLB Đức;
- Tốt nghiệp Thạc sĩ (2007-2010) ngành Điện tử - Viễn thông, chuyên ngành Vô tuyến điện và truyền thông tại Trường đại học tổng hợp Leibniz Hannover, CHLB Đức;
- Tốt nghiệp Tiến sĩ theo chương trình đào tạo chính quy tập trung 3 năm (2013-2016) chuyên ngành Vô tuyến điện và truyền thông tại Trường ĐHBK HN.
- Hoàn thành các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;
- Giảng dạy các học phần của chuyên môn cho các chương trình đào tạo đại học và cao học.

c) Về nghiên cứu khoa học:

Cùng với giảng dạy, UV cho rằng nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của giảng viên Đại học. Những đóng góp của UV trong nghiên cứu khoa học như sau:

- Chủ trì và tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Cơ sở, cấp Bộ và Nafosted;
- Hướng dẫn sinh viên tham gia sinh viên nghiên cứu cấp Viện, Trường và Bộ;
- Xây dựng nhóm nghiên cứu xử lý tín hiệu băng gốc tại C9-417, cộng tác tham gia nghiên cứu với các đồng nghiệp trong, và ngoài nước;
- Tham gia cùng xây dựng cộng đồng nghiên cứu khoa học tại Việt Nam cũng như trên thế giới qua các hình thức tổ chức, phản biện, nộp bài báo khoa học (Tạp chí các trường đại học kỹ thuật JST, tạp chí điện tử và truyền thông REV, hội nghị Quốc tế về các Công nghệ tiên tiến trong truyền thông ATC, hội nghị quốc tế về điện tử viễn thông ICCE, hội nghị chuyên ngành IEEE).

d) Về sức khỏe

UV đạt nhiều thành tích thi đấu thể thao trong trường, và tự nhận thấy bản thân có đủ sức khỏe để hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, cũng như nhiệm vụ do Nhà trường phân công.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 9 năm 6 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn	Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp	Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)

Chính	Phụ	ĐH	SDH					
1	2015-2016				6	198		198/328/0
2	2016-2017				7	184.5		184.5/435.5/270
3	2018-2019			2	11	261		261/497.6/270
03 năm học cuối								
4	2019-2020				9	343	44	343/509.8/270
5	2020-2021			1	9	455		455/613.2/270
6	2021-2022				11	405		405/603.2/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh/Tiếng Đức

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☒; Tại nước: CHLB Đức; Từ năm 2003 đến năm 2007

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: CHLB Đức năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Đức, Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEIC, Chứng chỉ B2 nội bộ.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Vũ Văn Sơn		X	X		01/2019 đến 06/2020	Đại học Bách Khoa Hà Nội	18/09/2020
2	Nguyễn Tất Thắng		X	X		03/2019 đến 05/2020	Đại học Bách Khoa Hà Nội	24/06/2020
3	Phạm Quốc Huy		X	X		09/2019 đến 04/2021	Đại học Bách Khoa Hà Nội	26/07/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Interference Mitigation in Device-to-Device Communication	TK	Wiley, năm 2022	6	CB	(89-108)	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ([1])

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Phân bổ tài nguyên vô tuyến cho mạng di động 5G sử dụng đa truy cập phi trực giao nhiều Ăng-ten trên các mô hình kênh hình học địa lý với nền tảng bản đồ số	CN	B2019-BKA-10, cấp Bộ	01/01/2019 đến 31/12/2020	31/6/2021. Kết quả Đạt.

2	Cảm biến và quản lý phổ cho hệ thống truyền thông nhận thức ứng dụng OFDM trong môi trường Pha-đinh	CN	T2016-LN-13, cấp Cơ sở	01/10/2016 đến 30/09/2017	25/08/2017. Kết quả Tốt.
---	---	----	------------------------	---------------------------	-----------------------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Decentralized Dynamic Sub-Carrier Assignment For OFDMA-Based Adhoc and Cellular Networks	7	Không	IEICE Transactions on Communications, ISSN: 0916 – 8516	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 0.616, Q3	10	92, 12, 3753 – 3764	12/2009
2	Second Order Suboptimal Power Allocation for MIMO-OFDM based Cognitive Radio Systems	6	Có	KSII Transactions on Internet and Information Systems, ISSN: 1976 – 7277	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 0.561, Q3		8, 8, 2647 - 2662	08/2014

3	Một Số Giải Pháp Nâng Cao Dung Lượng Hệ Thống Vô Tuyến Nhận Thức Đa Người Dùng	4	Không	Chuyên san Các công trình nghiên cứu phát triển Công nghệ Thông tin và Truyền thông, ISSN: 1859 – 3526			V - 2, 14, 34, 123 - 133	12/2015
4	Ảnh hưởng của sự phân bổ tần số đến hiệu năng của truyền thông nhận thức chiếm dụng băng tần truyền hình vô tuyến mặt đất DVB - T	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ các Trường Đại học kỹ thuật ĐHBKHN, ISSN: 2354 – 1083			110 48 - 53	01/2016
5	Implementation of an OFDM System Based on The TMS320C6416 DSP	6	Không	IEEE International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2009), ISBN: 978-1-4244- 5139-5 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)		5	74 - 77	10/2009

6	A Synchronization Method for Implementing an OFDM System Based on The TMS320C6416 DSP	8	Không	5th International Conference on Ubiquitous Information Management and Communication (IMCOM 2011), ISBN: 978-1-4503-0571-6 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)			1 - 6	02/2011
7	A Scheme of Dual Carrier Modulation with Soft-Decoding for MB-OFDM MIMO Systems	5	Có	IEEE International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2011), ISBN: 978-1-4577-1207-4 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)		13	220 - 223	08/2011
8	Application of Compressive Sensing in Time Hopping Multi-User UWB System	4	Không	IEEE International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2011), ISBN: 978-1-4577-1207-4 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus) - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)		2	248 - 251	08/2011

9	Second Order Suboptimal Power Allocation for OFDM-Based Cognitive Radio Systems	5	Có	7th International Conference on Ubiquitous Information Management and Communication (IMCOM 2013), ISBN: 978-1-4503-1958-4 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)		1	1 - 7	01/2013
10	Power Optimization for Multiuser MISO-OFDMA Based Cognitive Radio Systems	4	Có	IEEE International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2013), ISBN: 978-1-4799-1089-2 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)		1	7 - 11	10/2013
11	A Real-Time COFDM Transmission System Based on The GNU Radio: USRP N210 Platform	6	Không	8th International Conference on Ubiquitous Information Management and Communication (IMCOM 2014), ISBN: 978-1-4503-2644-5 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)			P. 1 – 5	01/2014

12	Optimal Resource Allocation for Multiusers FDMA-Based Cognitive Radio with Mutual Interference Threshold	6	Có	IEEE International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2014), ISBN: 978-1-4799-6955-5 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)		1	477 – 481	10/2014
13	Power Control and Multi-Bands Assignment for Cognitive Radio in LTE Scenario	3	Có	IEEE 2nd National Foundation for Science and Technology Development Conference on Information and Computer Science (NICS 2015), ISBN: 978-1-4673-6639-7 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)			289 – 293	09/2015
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
14	Optimal Power Control and Load Balancing for Uplink Cell-Free Multi-User Massive MIMO	4	Có	IEEE Access, ISSN: 2169 – 3536	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 4.098, Q1	49	6 14462 - 14473	02/2018

15	Resource Allocation For NOMA-Based D2D Systems Coexisting with Cellular Networks	6	Có	IEEE Access, ISSN: 2169 – 3536	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 4.098, Q1	32	6 66293 - 66304	10/2018
16	Pilot Decontamination for Multi-Cell Massive MIMO Systems Using Asynchronous Pilot Design and Data-Aided Channel Estimation	5	Không	Physical Communication, ISSN: 1874 – 4907	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 1.451, Q2	6	30 79 - 85	07/2018
17	A Closed-Form Expression for Performance Optimization of Subcarrier Intensity QAM Signals-Based Relay-Added FSO Systems With APD	4	Không	Physical Communication, ISSN: 1874 – 4907	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 1.451, Q2	7	31 203 - 211	04/2018

18	A Robust ICI Suppression Based on An Adaptive Equalizer for Very Fast Time-Varying Channels In LTE-R Systems	7	Có	EURASIP Journal on Wireless Communications and Networking, ISSN: 1687 – 1472	Tạp chí quốc tế uy tín IF: 1.592, Q2	2	2018, 14	01/2018
19	Methods to Estimate the Channel Delay Profile and Doppler Spectrum of Shallow Underwater Acoustic Channels	3	Không	Archives of Acoustics, ISSN: 0137 – 5075	Tạp chí quốc tế uy tín IF: 0.618, Q3		44, 2, 375 - 383	06/2019
20	A Time-Domain Estimation Method of Rapidly Time-Varying Channels for OFDM-Based LTE-R Systems	8	Không	Digital Communications and Networks, ISSN: 2352 – 8648	Tạp chí quốc tế uy tín IF: 5.382, Q1	14	5, 2, 94 - 101	05/2019

21	An ICI Suppression Analysis Testbed for Harbor Unmanned Ground Vehicle Deployment	6	Có	IEEE Access, ISSN: 2169 – 3536	Tạp chí quốc tế uy tín <i>IF:</i> <i>3.745, Q1</i>	2	7 107757 - 107765	08/2019
22	Power Control for Sum Spectral Efficiency Optimization in MIMO- NOMA Systems with Linear Beamforming	3	Có	IEEE Access, ISSN: 2169 – 3536	Tạp chí quốc tế uy tín <i>IF:</i> <i>3.745, Q1</i>	24	7 10593 - 10605	01/2019
23	Multiuser Massive MIMO Systems with Time-Offset Pilots and Successive Interference Cancellation	3	Không	IEEE Access, ISSN: 2169 – 3536	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF:</i> <i>3.745, Q1</i>	7	7 132748 - 132762	09/2019

24	Performance Analysis and Optimization of the Coverage Probability in Dual Hop LoRa Networks with Different Fading Channels	6	Có	IEEE Access, ISSN: 2169 – 3536	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 3.367, Q1	13	8, 107087 - 17102	06/2020
25	Outage Performance Analysis of Relay-Aided Non-Orthogonal Multiple Access Networks with Energy Harvesting Schemes	4	Không	IET Communications, ISSN: 1751 – 8628	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 1.542, Q2		14, 17, 3013 - 3021	10/2020
26	Max–Min Fairness Optimization for D2D Communications Coexisting with Cellular Networks	6	Có	Electronics, ISSN: 2079 – 9292	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 2.397, Q2		9, 9, 1422	09/2020

27	Joint Fast Time Domain Channel Estimation with ICI Cancellation for LTE-R Systems	5	Không	Physical Communication ISSN: 1874-4907	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 1.81, Q2	1	47, 101349	08/2021
28	Pilot Assignment for Joint Uplink-Downlink Spectral Efficiency Enhancement in Massive MIMO Systems with Spatial Correlation	5	Có	IEEE Transactions on Vehicular Technology ISSN: 0018-9545	Tạp chí quốc tế uy tín - SCI IF: 5.978, Q1	15	70, 8, 1 - 6	06/2021
29	Performance Analysis and Optimization of Ergodic Secrecy Rates for Downlink Data Transmission in Massive MIMO-NOMA Networks	5	Không	Wireless Networks, ISSN: 1572-8196	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 2.602, Q2		28, 1, 355 - 365	01/2022

30	On the Performance of Underlay Device-to-Device Communications	6	Có	Sensors ISSN: 1424 – 8220	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 3.576, Q2		22, 4	02/2022
31	On Performance of STAR-RIS-Enabled Multiple Two-Way Full-Duplex D2D Communication systems	2	Có	IEEE Access ISSN: 2169 – 3536	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 3.367, Q2		To appear	07/2022
32	Low Complexity Non-Uniform FFT for Doppler Compensation in OFDM-based Underwater Acoustic Communication Systems	4	Có	IEEE Access ISSN: 2169 – 3536	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 3.367, Q2		To appear	07/2022

33	Phương Pháp Truyền Dữ Liệu Giữa Hai Điện Thoại Thông Minh Qua Môi Trường Ánh Sáng Nhìn Thấy	3	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng ISSN: 1859 - 1531			7, 116, 88 - 93	07/2017
34	The Study of Spatial-Time- Frequency Correlation Properties of 5G Channel Modeling of MIMO- OFDM System	3	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ các Trường Đại học kỹ thuật ĐHBKHN, ISSN: 2354 – 1083			144, 011 - 016	06/2020
35	Impact of Inter-Channel Interference on Shallow Underwater Acoustic OFDM Systems	3	Không	Journal of Research and Development on Information and Communication Technology ISSN: 1859 – 3534			2020, 1, 42 - 49	09/2020
36	Giải pháp tạo búp sóng lai nâng cao hiệu suất phổ cho hệ thống 5G	2	Có	Journal of Science and Technology on Information and Communications ISSN: 2525-2224			2022, SC.01, 119	06/2022

37	An Analysis of Uplink Success Probability in Multi-Cell Lora Networks Under Different Channel Models	2	Có	Journal of Science and Technology- The University of Danang ISSN 1859-1531	- ACI		20, 6.2, 1-6	06/2022
38	Geometric Progression Algorithm for Adjacent Band Power Allocation in OFDM Based Cognitive Radio	3	Có	11th International Conference on Ubiquitous Information Management and Communication (IMCOM 2017) ISBN: 978-1-4503-4888-1 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)			1 - 5	01/2017
39	An OFDM System Design with Efficient ICI Cancellation over Embedded LTE-R Channels Based on the USRP Platform	7	Không	12th International Conference on Ubiquitous Information Management and Communication (IMCOM) ISBN: 978-1-4503-6385-3 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)		1	1 - 5	01/2018

40	Performance of Assigning Pilot Sequences in Cell Free Massive MIMO under SINR Constraints	2	Có	IEEE Seventh International Conference on Communications and Electronics (ICCE) ISBN: 978-1-5386-3678-7 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)		3	121 - 126	07/2018
41	Out of Band Analysis in Various 5G-NR Downlink Waveforms with Different Numerologies	4	Có	IEEE 3rd International Conference on Recent Advances in Signal Processing, Telecommunication s & Computing (SigTelCom 2019) ISBN: 978-1-5386-7963-0 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)		5	5 - 9	03/2019
42	Quality of Service Provisioning for D2D Users in Heterogeneous Networks	3	Có	EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems ISSN: 2410-0218	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	9	6, 21	10/2019

43	An Analysis of the Coded MIMO-OFDMA System Performance by Using the Spatial Wideband GBSM Channel Modeling Methods	5	Không	IEEE International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2020), 978-1-7281-8065-6 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)		1	95 - 100	10/2020
44	Deep Learning-Aided 5G Channel Estimation	5	Không	15th International Conference on Ubiquitous Information Management and Communication (IMCOM 2021), ISBN: 978-0-7381-0508-6 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)		11	1 - 7	01/2021
45	On the Performance of Image Recovery in Massive MIMO Communications	5	Có	IEEE Eight International Conference on Communications and Electronics (ICCE 2021), ISBN: 978-1-7281-5470-1 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)			487-491	01/2021

46	Performance Evaluation of Incremental Relaying in Underlay Cognitive Radio Networks with Imperfect CSI	5	Có	IEEE Eight International Conference on Communications and Electronics (ICCE 2021) ISBN: 978-1-7281-5470-1 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)			472 - 477	03/2021
47	Secrecy Performance of RIS-assisted Wireless Networks under Rician Fading	2	Có	IEEE 8th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS 2021). ISBN: 978-1-6654-1001-4 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)			470 - 474	12/2021
48	Short-Packet Communication for Cooperative UAV-Based MIMO Systems with Rate Splitting Multiple Access	5	Không	IEEE Ninth International Conference on Communications and Electronics (ICCE 2022) ISBN: 978-1-7281-5471-8 - Hội nghị khoa học quốc tế (Scopus)			To appear	07/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 11 ([14] [15] [18] [21] [22] [24] [26] [28] [30] [31] [32])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Phương pháp tối ưu hóa xác suất bao phủ của hệ thống mạng thông tin LoRa	Cục sở hữu trí tuệ Hàn Quốc	18/06/2020	Đồng tác giả	2

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 1

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)